

ĐỀ ÁN

**nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu
của tổ chức cơ sở đảng, đảng viên**

PHẦN I:

SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

I- KHÁI QUÁT VỀ ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH

Sau hợp nhất, tỉnh An Giang có diện tích tự nhiên 9.888,91 km², dân số 4.952.238 người, lớn nhất vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Đảng bộ tỉnh An Giang được thành lập theo Quyết định số 328-QĐ/TW, ngày 18/6/2025 của Bộ Chính trị trên cơ sở hợp nhất 02 Đảng bộ tỉnh Kiên Giang và Đảng bộ tỉnh An Giang trước đây, Đảng bộ tỉnh hiện có 107 đảng bộ trực thuộc¹; 955 tổ chức cơ sở đảng trực thuộc đảng bộ cấp xã và tương đương²; 5.517 chi bộ trực thuộc và 64 đảng bộ bộ phận; tổng số đảng viên trong toàn Đảng bộ là 131.194 đảng viên.

An Giang là tỉnh có đặc điểm kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và văn hóa đa dạng phong phú, vị trí chiến lược quan trọng, là cầu nối giữa các vùng kinh tế trọng điểm, địa bàn rộng, tổ chức đảng và đảng viên khá lớn. Những đặc thù này đặt ra yêu cầu rất cao đối với công tác quản lý tổ chức đảng, đảng viên, nhất là trong bối cảnh toàn hệ thống chính trị đang thực hiện yêu cầu đổi mới, tinh gọn tổ chức, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động.

II- SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Trong những năm qua, công tác xây dựng Đảng trên địa bàn tỉnh đã đạt nhiều kết quả quan trọng, góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các tổ chức đảng, hiệu lực, hiệu quả quản lý của chính quyền, củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng và Nhà nước. Tổ chức cơ sở đảng từng bước được kiện toàn, vai trò hạt nhân chính trị ở cơ sở tiếp tục được khẳng định; đội ngũ cán bộ, đảng viên cơ bản đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Tuy nhiên, trước yêu cầu phát triển nhanh, bền vững, đột phá của tỉnh trong kỷ nguyên mới, đặc biệt trong bối cảnh đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chuyển đổi số, cải cách hành chính, sắp xếp tổ chức bộ máy và tinh giản biên chế, công tác xây dựng Đảng vẫn còn những hạn chế, cụ thể: Một số tổ chức cơ sở đảng năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu chưa cao; phương thức lãnh đạo của một số cấp ủy còn chậm đổi mới; chất lượng sinh hoạt chi bộ chưa đồng đều; công tác quản lý,

¹ Trong đó 102 xã, phường, đặc khu, 01 Đảng bộ các cơ quan Đảng tỉnh, 01 Đảng bộ Ủy ban nhân dân tỉnh, 02 Đảng bộ lực lượng vũ trang; 01 Đảng bộ trường Đại học An Giang được giao quyền cấp trên cơ sở.

² Trong đó 421 đảng bộ cơ sở và 534 chi bộ cơ sở.

giáo dục, rèn luyện đảng viên có nơi chưa chặt chẽ; đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ ở cơ sở còn hạn chế về kỹ năng, kinh nghiệm thực tiễn; một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa thật sự nêu gương, chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Nhiệm kỳ 2025 - 2030 là giai đoạn có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, là thời kỳ tăng tốc, bứt phá để thực hiện thắng lợi các mục tiêu chiến lược phát triển của tỉnh. Điều đó đòi hỏi phải tiếp tục đổi mới mạnh mẽ công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh từ cơ sở; nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng; xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức trong sáng, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ. Do đó, việc xây dựng Đề án “*Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng, đảng viên của Đảng bộ tỉnh An Giang*” đáp ứng nhiệm vụ trong tình hình mới là hết sức cần thiết, có ý nghĩa quan trọng cả về lý luận và thực tiễn.

III- CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

- Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng;
- Chương trình hành động của Ban chấp hành Trung ương thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng;
- Quy định số 294-QĐ/TW, ngày 26/5/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về thi hành Điều lệ Đảng;
- Quy định số 101-QĐ/TW, ngày 07/6/2012 của Ban Bí thư về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp;
- Kết luận số 21-KL/TW, ngày 25/10/2021 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”;
- Nghị quyết số 21-NQ/TW, ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tăng cường củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên trong giai đoạn mới;
- Quy định số 144-QĐ/TW, ngày 09/5/2024 của Bộ Chính trị quy định chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên trong giai đoạn mới;
- Chỉ thị số 28-CT/TW, ngày 21/01/2019 của Ban Bí thư về nâng cao chất lượng kết nạp đảng viên và rà soát, sàng lọc, đưa những đảng viên không còn đủ tư cách ra khỏi Đảng;
- Chỉ thị số 50-CT/TW, ngày 23/7/2025 của Ban Bí thư về tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ trong giai đoạn mới;
- Nghị quyết, chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh An Giang lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030.

PHẦN II: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG VÀ ĐỘI NGŨ ĐẢNG VIÊN

I- THỰC TRẠNG SỐ LƯỢNG, CƠ CẤU TỔ CHỨC ĐẢNG

Tính đến 31/12/2025, toàn Đảng bộ tỉnh có 955 tổ chức cơ sở đảng, trong đó gồm 421 đảng bộ cơ sở và 534 chi bộ cơ sở; có 64 đảng bộ bộ phận và 5.517 chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở, đảng ủy bộ phận. Các loại hình tổ chức cơ sở đảng tương ứng nhiều lĩnh vực, gồm: *tổ chức cơ sở đảng trong cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị – xã hội* có 111 tổ chức cơ sở đảng, 409 tổ chức đảng trực thuộc; *tổ chức đảng trong các cơ quan nhà nước* có 130 tổ chức cơ sở đảng, 682 tổ chức đảng trực thuộc; *tổ chức đảng trong các đơn vị sự nghiệp* có 375 tổ chức cơ sở đảng, 1.865 tổ chức đảng trực thuộc; *tổ chức cơ sở đảng trong các doanh nghiệp và hợp tác xã* có 92 tổ chức cơ sở đảng, 290 tổ chức đảng trực thuộc; *tổ chức đảng trong Công an, Quân đội* có 241 tổ chức cơ sở đảng, 471 tổ chức đảng trực thuộc; *tổ chức đảng ở ấp, khóm, khu phố* có 1.836 chi bộ.

Kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng tổ chức cơ sở đảng giai đoạn 2021 - 2025, như sau: bình quân hằng năm, có trên 95% tổ chức cơ sở đảng (chi bộ cơ sở, đảng bộ cơ sở)³, chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở⁴ được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên so với tổng số được đánh giá, xếp loại.

Công tác kiểm tra, giám sát thi hành kỷ luật trong giai đoạn 2021 - 2025: toàn Đảng bộ tỉnh có 90 tổ chức đảng vi phạm, bị xử lý kỷ luật.

II- THỰC TRẠNG SỐ LƯỢNG, CƠ CẤU ĐẢNG VIÊN

Toàn Đảng bộ tỉnh có 131.194 đảng viên; trong đó:

- *Về cơ cấu:* Đảng viên nữ có 46.917 đồng chí, chiếm 35,76%; đảng viên là người dân tộc thiểu số có 6.676 đồng chí, chiếm 5,08%; đảng viên là người theo tôn giáo có 23.395 đồng chí, chiếm 17,83%; đảng viên đang sinh hoạt, công tác trong các doanh nghiệp có 5.078 đồng chí, chiếm 3,87%.

- *Về độ tuổi của đảng viên:* Độ tuổi bình quân của đảng viên là 45.34 tuổi. Cụ thể: từ 18 - 35 tuổi: 28.123 đồng chí, chiếm 21,43%; từ 36 - 45 tuổi: 47.075 đồng chí, chiếm 35,88%; từ 46 - 55 tuổi: 29,119 đồng chí, chiếm 22,18%; từ 56 - trên 60 tuổi: 26.877 đồng chí, chiếm 20,48%.

- *Về trình độ của đảng viên:*

+ Trung học phổ thông chiếm 112.189, chiếm 85,51%; trung học cơ sở chiếm 16.282, chiếm 12,41%; tiểu học chiếm 1.744, chiếm 1,33%; biết đọc, biết viết chữ quốc ngữ chiếm 979, chiếm 0,75%.

³ Năm 2021 đạt 96,58% (trong đó tỉnh An Giang 97,23.%; tỉnh Kiên Giang 95,93.%); Năm 2022 đạt 93,87% (trong đó tỉnh An Giang 94,47 %; tỉnh Kiên Giang 93,26%); Năm 2023 đạt 94,57% (trong đó tỉnh An Giang 95,87%; tỉnh Kiên Giang 93,28%); Năm 2024 đạt 97,01% (trong đó tỉnh An Giang 97,74%; tỉnh Kiên Giang 96,28.%); Năm 2025 đạt 98,96%.

⁴ Năm 2021 đạt 94,80% (trong đó tỉnh An Giang 96,06%; tỉnh Kiên Giang 93,53%); Năm 2022 đạt 94,41.% (trong đó tỉnh An Giang 95,7.%; tỉnh Kiên Giang 93,12%); Năm 2023 đạt 96,02% (trong đó tỉnh An Giang 97,97%; tỉnh Kiên Giang 94,07%); Năm 2024 đạt 97,41% (trong đó tỉnh An Giang 98,88%; tỉnh Kiên Giang 95,94%); Năm 2025 đạt 99,17%.

+ Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ: đại học trở lên 67.577 đồng chí; cao đẳng, trung cấp 29.590 đồng chí; sơ cấp 4.192 đồng chí.

+ Trình độ lý luận chính trị: trung cấp 35.235 đồng chí; cao cấp, cử nhân 10.756 đồng chí.

Kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng đảng viên giai đoạn 2021 - 2025, như sau: bình quân hằng năm, có trên 90% đảng viên được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên so với tổng số đảng viên được đánh giá, xếp loại⁽⁵⁾.

Công tác phát triển đảng viên giai đoạn 2021 - 2025, như sau: có 15.618 đảng viên được kết nạp vào Đảng đạt tỷ lệ 85,69% so với chỉ tiêu đề ra, cơ bản bảo đảm về chất lượng⁽⁶⁾ (trong đó, học sinh, sinh viên là 1.764 đảng viên; chủ, người quản lý doanh nghiệp 53 đảng viên; công nhân, người lao động trực tiếp sản xuất 115 đảng viên; nhân viên, người lao động gián tiếp 669 đảng viên). *Công tác rà soát, sàng lọc đảng viên giai đoạn 2021 - 2025* có 1.389 đảng viên bị xóa tên và 1.843 đảng viên cho ra khỏi Đảng.

Công tác kiểm tra, giám sát thi hành kỷ luật trong giai đoạn 2021 - 2025: toàn Đảng bộ tỉnh có 2.127 đảng viên bị thi hành kỷ luật, trong đó có 816 cấp ủy viên các cấp.

III- ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

Những năm qua, các cấp ủy, tổ chức đảng từ tỉnh đến cơ sở luôn quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và đảng viên, coi đây là nhiệm vụ thường xuyên, quan trọng trong công tác xây dựng Đảng. Các cấp ủy đã kịp thời rà soát, củng cố, kiện toàn, sắp xếp mô hình tổ chức đảng đồng bộ với việc sắp xếp đơn vị hành chính, bảo đảm đúng quy trình, thủ tục theo quy định của cấp trên⁽⁷⁾.

Các cấp ủy đã kịp thời cụ thể hóa và tổ chức thực hiện nghiêm Kết luận số 01-KL/TW, ngày 18/5/2021 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW (khóa XII) về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; gắn với thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI, XII) và Kết luận số 21-KL/TW, ngày 25/10/2021 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị. Qua đó, góp phần ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”.

⁵ Năm 2021 đạt 88.62% (trong đó tỉnh An Giang 92.87%; tỉnh Kiên Giang 84.37%); năm 2022 đạt 89.91% (trong đó tỉnh An Giang 93.48%; tỉnh Kiên Giang 86.35%); năm 2023 đạt 90.14% (trong đó tỉnh An Giang 94.34%; tỉnh Kiên Giang 85.94%); năm 2024 đạt 91.74% (trong đó tỉnh An Giang 94.36%; tỉnh Kiên Giang 89.12%); năm 2025 đạt 92.48%.

⁶ Năm 2021 chiếm 0,44% (trong đó tỉnh An Giang 0,29%; tỉnh Kiên Giang 0,59%); năm 2022 chiếm 0,46% (trong đó tỉnh An Giang 0,35 %; tỉnh Kiên Giang 0,57%); năm 2023 chiếm 0,44% (trong đó tỉnh An Giang 0,36%; tỉnh Kiên Giang 0,53%); năm 2024 chiếm 0,35% (trong đó tỉnh An Giang 0,34%; tỉnh Kiên Giang 0,37%); năm 2025 chiếm 0,13%.

⁷ Trước 01/7/2025, đã kết thúc hoạt động của 26 đảng bộ cấp huyện, 280 đảng bộ xã, phường, thị trấn; thành lập mới 96 đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy.

Chất lượng sinh hoạt chi bộ có nhiều chuyển biến tích cực, từng bước được nâng lên. Việc sinh hoạt chi bộ thường kỳ và sinh hoạt chuyên đề cơ bản đi vào nề nếp; nội dung sinh hoạt có nhiều đổi mới, gắn với nhiệm vụ chính trị và thực tiễn của địa phương, đơn vị. Việc xây dựng và thực hiện quy chế làm việc, phân công nhiệm vụ cho chi ủy viên và đảng viên được thực hiện nghiêm túc; nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách được bảo đảm; tính lãnh đạo, tính giáo dục và tính chiến đấu trong sinh hoạt chi bộ được phát huy.

Công tác đánh giá, xếp loại chất lượng tổ chức cơ sở đảng, đảng viên ngày càng thực chất, bám sát kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị và công tác xây dựng Đảng của từng địa phương, cơ quan, đơn vị.

Công tác phát triển đảng viên và rà soát, sàng lọc đảng viên; kiên quyết, kịp thời đưa những đảng viên không còn đủ tư cách ra khỏi Đảng được thực hiện nghiêm túc, thường xuyên theo quy định. Công tác quản lý, bổ sung hồ sơ đảng viên bảo đảm chặt chẽ, đúng quy định.

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

2.1. Tồn tại, hạn chế

Phương thức lãnh đạo, lề lối làm việc của cấp ủy, nội dung và hình thức sinh hoạt cấp ủy, chi bộ ở một số nơi chậm đổi mới. Năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của một số tổ chức cơ sở đảng còn hạn chế, tính chủ động, sáng tạo chưa cao. Công tác tự kiểm tra, phát hiện tham nhũng, lãng phí, tiêu cực ở một số cơ quan, tổ chức, đơn vị vẫn còn là khâu yếu. Một số cán bộ, công chức, đảng viên ngại đấu tranh với những biểu hiện sai phạm, tiêu cực; tình trạng cán bộ, đảng viên vi phạm quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, phải xử lý kỷ luật, xử lý hình sự, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến uy tín của Đảng và niềm tin của Nhân dân.

Trong sinh hoạt cấp ủy, chi bộ, đảng bộ, một số nơi còn nặng về bàn công tác chuyên môn, nhiệm vụ sản xuất - kinh doanh, chưa chú trọng đúng mức đến công tác xây dựng Đảng. Việc chấp hành nguyên tắc sinh hoạt đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, ở một số tổ chức đảng chưa nghiêm; tinh thần đấu tranh tự phê bình và phê bình còn hạn chế, thiếu quyết liệt. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của chi bộ còn hạn chế. Một số chi bộ chưa duy trì nghiêm túc chế độ sinh hoạt định kỳ, sinh hoạt chuyên đề; sinh hoạt chuyên đề chưa được quan tâm đúng mức, chất lượng chưa cao; việc lựa chọn nội dung còn chưa sát với chức năng, nhiệm vụ và đặc điểm của chi bộ.

Công tác phát triển đảng viên còn gặp nhiều khó khăn, chưa đạt so với kế hoạch đề ra. Việc tạo nguồn và kết nạp đảng viên là học sinh trung học phổ thông, sinh viên các trường đại học, cao đẳng; đảng viên là công nhân, người lao động trong các loại hình doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu về số lượng và cơ cấu. Công tác quản lý đảng viên ở một số nơi còn bất cập, chưa chặt chẽ, nhất là đối với đảng viên đi làm ăn xa; tình trạng đảng viên bỏ sinh hoạt đảng phải xóa tên, đảng viên xin ra khỏi Đảng còn xảy ra.

2.2. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế

Nhận thức của một bộ phận cấp ủy, cán bộ, đảng viên về vị trí, vai trò của tổ chức cơ sở đảng và yêu cầu cấp bách phải nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng, chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên chưa thật sự sâu sắc, toàn diện. Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên có nơi chưa được tiến hành thường xuyên; nội dung, phương pháp giảng dạy, học tập lý luận chính trị, bồi dưỡng nghiệp vụ công tác đảng, bồi dưỡng đảng viên còn chậm đổi mới, nặng về lý luận, thiếu tính thực tiễn, chưa tạo được chuyển biến rõ nét trong nhận thức và hành động.

Một số cấp ủy còn hạn chế về năng lực dự báo, chưa kịp thời đề ra chủ trương, giải pháp phù hợp để lãnh đạo, chỉ đạo giải quyết những vấn đề khó khăn, bất cập phát sinh ở cơ sở. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của một số cấp ủy và người đứng đầu cấp ủy cấp trên đối với cơ sở chưa thật sự quyết liệt, thường xuyên, liên tục; việc phân công cấp ủy viên theo dõi, phụ trách tổ chức cơ sở đảng, chi bộ ở một số nơi chưa đầy đủ; công tác nắm bắt tình hình tư tưởng, tâm tư, nguyện vọng của cán bộ, đảng viên và Nhân dân còn hạn chế.

Công tác tạo nguồn, phát triển đảng viên ở một số lĩnh vực (cơ sở giáo dục, đào tạo; doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước) chưa được quan tâm đúng mức. Bên cạnh đó, ý thức tu dưỡng, rèn luyện của một bộ phận đảng viên chưa thường xuyên; tính tiên phong, gương mẫu trong công tác và sinh hoạt đảng chưa cao; còn biểu hiện nói không đi đôi với làm, ngại khó, ngại khổ, giảm sút ý chí phấn đấu; vi phạm nguyên tắc sinh hoạt đảng, những điều đảng viên không được làm; dẫn đến tình trạng bỏ sinh hoạt đảng hoặc xin ra khỏi Đảng.

Công tác kiểm tra, giám sát của một số cấp ủy cơ sở và của cấp ủy cấp trên có lúc chưa được quan tâm đúng mức, thiếu kịp thời, hiệu quả chưa cao, nhất là trong việc phát hiện sớm, chấn chỉnh, ngăn ngừa và xử lý các vi phạm.

PHẦN III:

QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

I- QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

- Xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên, lâu dài, liên tục, là trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, đảng viên, góp phần xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị, củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng.

- Nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng phải gắn với xây dựng, chỉnh đốn Đảng về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ; đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng; bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, đề cao tính

giáo dục, tính chiến đấu trong sinh hoạt đảng và đấu tranh phòng, chống quan liêu, tham nhũng, tiêu cực, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong nội bộ; nâng cao chất lượng đội ngũ cấp ủy viên cơ sở, nhất là bí thư cấp ủy.

- Đội ngũ đảng viên là nhân tố quyết định năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng. Tạo môi trường để đảng viên rèn luyện, phấn đấu, đồng thời mỗi đảng viên phải tự ý thức học tập, rèn luyện nhân cách, đạo đức, phong cách, không ngừng nâng cao bản lĩnh chính trị, tiên phong, gương mẫu, thực hiện nghiêm các nguyên tắc của Đảng và lời thề khi vào Đảng; tăng cường mối quan hệ mật thiết với nhân dân và chịu sự giám sát của nhân dân. Coi trọng chất lượng phát triển đảng viên và thường xuyên rà soát, sàng lọc, kiên quyết đưa đảng viên không còn đủ tư cách ra khỏi Đảng.

2. Mục tiêu nhiệm kỳ 2025 - 2030

2.1. Mục tiêu tổng quát

Tạo chuyển biến mạnh mẽ trong nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức đảng, trước hết là ở cơ sở; xây dựng đội ngũ cấp ủy cấp cơ sở và đội ngũ đảng viên có phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ, đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh trong giai đoạn mới. Đảm bảo Đảng lãnh đạo thực hiện thắng lợi các mục tiêu Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030 đã đề ra.

2.2. Mục tiêu cụ thể

(1) Tiếp tục duy trì 100% cấp ủy cấp cơ sở và tổ chức đảng xây dựng quy chế làm việc phù hợp với chức năng, nhiệm vụ theo quy định và thực hiện nghiêm túc quy chế làm việc đã đề ra.

(2) Công tác phát triển đảng viên: Hằng năm kết nạp từ 3.600 đảng viên mới trở lên; trong cả nhiệm kỳ 2025 - 2030 kết nạp từ 18.000 đảng viên trở lên.

(3) Chất lượng tổ chức đảng và đảng viên: Hằng năm có trên 90% tổ chức cơ sở đảng và đảng viên được đánh giá, xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

(4) Tiếp tục duy trì 100% chi bộ thực hiện nghiêm túc chế độ sinh hoạt thường kỳ hằng tháng và sinh hoạt chuyên đề ít nhất mỗi quý 01 lần; tỷ lệ đảng viên dự sinh hoạt chi bộ đạt từ 90% trở lên theo Chỉ thị số 50-CT/TW, ngày 23/7/2025 của Ban Bí thư về tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ trong giai đoạn mới và Hướng dẫn số 42-HD/BTCTW, ngày 28/10/2025 của Ban Tổ chức Trung ương.

(5) Phấn đấu tất cả các chi bộ, đảng viên đủ điều kiện sử dụng ứng dụng “*Sổ tay đảng viên điện tử*”; phấn đấu tất cả hồ sơ đảng viên được cập nhật đầy đủ, thường xuyên trên Phần mềm quản lý dữ liệu đảng viên do Trung ương triển khai.

(6) Phấn đấu cấp ủy viên cơ sở được tham gia ít nhất 01 lớp bồi dưỡng nghiệp vụ công tác xây dựng Đảng, kỹ năng quản lý, điều hành, cập nhật kiến thức mới.

III- NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Xây dựng, củng cố, kiện toàn tổ chức cơ sở đảng, nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ

- Các cấp ủy tập trung rà soát, sắp xếp, kiện toàn hệ thống tổ chức cơ sở đảng, chi bộ trực thuộc bảo đảm đồng bộ, thống nhất theo mô hình tổ chức hành chính mới và phù hợp với đặc điểm từng địa phương, đơn vị. Trọng tâm là sắp xếp tổ chức đảng trong các cơ quan, đơn vị trực thuộc cấp ủy xã, phường, đặc khu; đồng thời xem xét kiện toàn các tổ chức cơ sở đảng trong đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp.

- Các cấp ủy, tổ chức đảng tiếp tục quán triệt, thực hiện nghiêm Chỉ thị số 50-CT/TW, ngày 23/7/2025 của Ban Bí thư về tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ trong giai đoạn mới; Hướng dẫn số 42-HD/BTCTW ngày 28/10/2025 của Ban Tổ chức Trung ương về thực hiện Chỉ thị số 50-CT/TW, ngày 23/7/2025 của Ban Bí thư; Hướng dẫn số 01-HD/TU ngày 28/11/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tiêu chí đánh giá, xếp loại chất lượng sinh hoạt chi bộ. Tiếp tục triển khai có hiệu quả phong trào thi đua xây dựng “chi bộ bốn tốt”, “đảng bộ bốn tốt”.

Các cấp ủy, tổ chức đảng thường xuyên nghiên cứu, đổi mới nội dung và nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ; đồng thời, gắn với việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh đề nội dung sinh hoạt chi bộ phong phú, thiết thực. Duy trì sinh hoạt chuyên đề đảm bảo ít nhất mỗi quý 01 lần, nội dung chuyên đề bám sát nhiệm vụ của chi bộ gắn với các nội dung được quy định tại nhiệm vụ, giải pháp thứ 2, Chỉ thị 50-CT/TW ngày 23/7/2025 của Ban Bí thư: thường xuyên cập nhật, đưa các quan điểm, nội dung lãnh đạo, chỉ đạo mới, quan trọng của Đảng, của đồng chí Tổng Bí thư và lịch sử vẻ vang của Đảng vào chuyên đề sinh hoạt. Chấn chỉnh, khắc phục tình trạng sinh hoạt mang hình thức đối phó.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả ứng dụng Sổ tay đảng viên điện tử trong sinh hoạt chi bộ.

- Các đồng chí cấp ủy thực hiện nghiêm túc việc tham dự sinh hoạt chi bộ, đảng bộ theo sự phân công của cấp có thẩm quyền; thường xuyên đôn đốc, kiểm tra việc duy trì nền nếp chế độ sinh hoạt đảng theo Điều lệ Đảng.

2. Về đổi mới phương thức lãnh đạo, nâng cao năng lực lãnh đạo của cấp ủy

- Cấp ủy các cấp thường xuyên rà soát, hoàn thiện quy chế làm việc, bảo đảm đúng Điều lệ Đảng, quy định của Trung ương, của tỉnh và phù hợp thực tiễn địa phương, đơn vị; xác định rõ trách nhiệm, quyền hạn, mối quan hệ công tác giữa tập thể và cá nhân. Trọng tâm là nâng cao bản lĩnh chính trị, năng lực lãnh đạo, kỹ năng và nghiệp vụ công tác Đảng cho đội ngũ cấp ủy viên thông qua đào tạo, bồi dưỡng và rèn luyện thực tiễn.

- Đổi mới nội dung, phương thức sinh hoạt cấp ủy, ban hành và tổ chức thực hiện nghị quyết theo hướng thiết thực, hiệu quả, phát huy tinh thần chủ động, sáng

tạo, gắn với tổng kết thực tiễn, nhân rộng mô hình hay, cách làm hiệu quả. Thực hiện tốt vai trò nêu gương của người đứng đầu, nhất là bí thư cấp ủy, trong xây dựng khối đoàn kết, nâng cao trách nhiệm chính trị; xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo có khát vọng cống hiến, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung, tuân thủ nghiêm kỷ luật, kỷ cương của Đảng.

- Tăng cường công tác dân vận, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội và nhân dân tham gia giám sát xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền, làm tốt công tác tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, góp phần xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; tham gia giám sát đối với việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên ở nơi cư trú.

- Nâng cao chất lượng công tác đánh giá tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên, theo hướng xuyên suốt, liên tục, đa chiều, bằng sản phẩm cụ thể; kết quả đánh giá phản ánh kết quả việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị, tránh chạy theo thành tích.

3. Về nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên, công tác quản lý đảng viên

- Các cấp ủy, tổ chức đảng tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng, lý luận chính trị cho đảng viên. Các chi bộ phải thực hiện tốt việc phân công công tác cho đảng viên, đảm bảo mọi đảng viên trong chi bộ đều được phân công nhiệm vụ phù hợp và thường xuyên kiểm tra, giám sát, đôn đốc kết quả thực hiện theo quy định.

- Thực hiện nghiêm túc tự phê bình và phê bình trong kiểm điểm, đánh giá, xếp loại đảng viên, khắc phục tình trạng nể nang, né tránh. Kịp thời phát hiện, biểu dương đảng viên xuất sắc, tiêu biểu trên các lĩnh vực; kịp thời nhắc nhở, giáo dục, giúp đỡ đảng viên không hoàn thành nhiệm vụ hoặc khi có khuyết điểm, vi phạm.

- Nâng cao trách nhiệm của các cấp ủy trong công tác phát triển đảng viên; các cấp ủy đảng, tổ chức đảng phải xây dựng kế hoạch kết nạp đảng viên từng năm cụ thể, phù hợp với điều kiện, đặc điểm tình hình của địa phương, đơn vị. Kiên quyết khắc phục tình trạng chạy theo số lượng, xem nhẹ chất lượng. Đẩy mạnh phát triển đảng viên trong đội ngũ trí thức, lực lượng vũ trang, học sinh, sinh viên, công nhân, người lao động, cán bộ quản lý trong doanh nghiệp; vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo, tôn giáo, vùng sâu, vùng xa, khu dân cư.

- Đề cao trách nhiệm nêu gương đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý, người đứng đầu, phải gương mẫu, nói đi đôi với làm, thực hiện nghiêm chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nêu cao trách nhiệm của cán bộ, đảng viên trong việc vận động gia đình, người thân xây dựng lối sống gương mẫu, góp phần lan toả trong xã hội những hành động tốt, tấm gương tiêu biểu của cán bộ, đảng viên.

- Thực hiện đúng quy định về việc miễn sinh hoạt đảng, chuyển sinh hoạt đảng. Kiểm tra, rà soát, xác định rõ nguyên nhân để có các giải pháp khắc phục tình trạng đảng viên xin ra khỏi Đảng và đảng viên bỏ sinh hoạt Đảng. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong công tác quản lý đảng viên; xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu

cán bộ, đảng viên dùng chung; từng bước ứng dụng trí tuệ nhân tạo phục vụ công tác lãnh đạo, quản lý.

4. Tăng cường công tác rà soát, sàng lọc đảng viên; kiên quyết, kịp thời đưa những đảng viên không còn đủ tư cách ra khỏi Đảng

Các cấp ủy lãnh đạo thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 28-CT/TW, ngày 21/01/2019 của Ban Bí thư “về nâng cao chất lượng kết nạp đảng viên và rà soát, sàng lọc, đưa những đảng viên không còn đủ tư cách ra khỏi Đảng”; Nghị quyết số 21-NQ/TW, ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tăng cường củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên trong giai đoạn mới; lãnh đạo đảng viên đề cao tính kỷ luật, kỷ cương của Đảng, tính chiến đấu, tự phê bình và phê bình, nâng cao trách nhiệm trong sinh hoạt chi bộ; khắc phục tình trạng nể nang, né tránh, ngại va chạm trong công tác đánh giá, phân loại đảng viên và rà soát, sàng lọc đảng viên không còn đủ tư cách ra khỏi Đảng.

5. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát

Thực hiện thường xuyên, có hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát thực hiện chế độ sinh hoạt chi bộ, thực hiện nhiệm vụ đảng viên, nhất là người đứng đầu, bí thư chi bộ. Công tác kiểm tra có trọng tâm, trọng điểm, đảm bảo chất lượng. Đổi mới phương pháp, quy trình, nâng cao kỹ năng kiểm tra, giám sát, bảo đảm khách quan, dân chủ, khoa học, đồng bộ, thống nhất, thận trọng, chặt chẽ. Kịp thời phát hiện, chấn chỉnh, xử lý nghiêm minh tổ chức đảng, đảng viên sai phạm ngay từ cơ sở.

Phần IV: **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

I- THỜI GIAN THỰC HIỆN

Đề án được triển khai thực hiện trong nhiệm kỳ 2025 - 2030. Lộ trình thực hiện cụ thể như sau:

- Năm 2026: Ban hành, quán triệt Đề án; các cấp ủy xây dựng kế hoạch, chương trình hành động triển khai thực hiện.
- Giai đoạn 2026 - 2028: Tổ chức thực hiện đồng bộ các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Đề án.
- Năm 2028: Sơ kết, đánh giá giữa nhiệm kỳ việc thực hiện Đề án.
- Năm 2030: Tổng kết, đánh giá toàn diện kết quả thực hiện Đề án; rút kinh nghiệm, đề xuất định hướng giai đoạn tiếp theo.

II- PHÂN CÔNG THỰC HIỆN

1. Ban Thường vụ Tỉnh ủy

Lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện việc tổ chức quán triệt, triển khai Đề án đến các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc; chỉ đạo xây dựng kế hoạch, chương trình, cụ thể

hóa Đề án phù hợp với từng địa phương, đơn vị. Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện; hằng năm thành lập các đoàn kiểm tra, giám sát việc triển khai Đề án tại các đảng bộ trực thuộc.

Lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức sơ kết, tổng kết việc thực hiện Đề án; kịp thời rút kinh nghiệm, điều chỉnh, bổ sung các giải pháp cho phù hợp với tình hình thực tiễn.

2. Ban Tổ chức Tỉnh ủy

Là cơ quan thường trực chủ trì tham mưu và phối hợp với các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy và các cơ quan liên quan triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Đề án.

Chủ trì tham mưu xây dựng, ban hành hoặc hoàn thiện các chỉ thị, quy định, kế hoạch, hướng dẫn về công tác xây dựng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên; tham mưu tổ chức sơ kết, tổng kết; định kỳ hằng năm theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, tổng hợp, báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy kết quả thực hiện Đề án.

3. Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy

Chủ trì công tác tuyên truyền, quán triệt Đề án sâu rộng trong toàn Đảng bộ tỉnh; phối hợp với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tuyên truyền trong Nhân dân nhằm tạo sự đồng thuận, thống nhất cao trong quá trình thực hiện.

Chỉ đạo các cơ quan báo chí, truyền thông xây dựng chuyên trang, chuyên mục về công tác xây dựng Đảng; kịp thời tuyên truyền các mô hình hay, cách làm hiệu quả, điển hình tiên tiến trong thực hiện Đề án.

Phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy tham mưu tổ chức các hội nghị, hội thảo, lớp tập huấn liên quan đến nội dung Đề án; thường xuyên nắm bắt tư tưởng, dư luận xã hội, kịp thời báo cáo, đề xuất với Ban Thường vụ Tỉnh ủy những vấn đề phát sinh.

4. Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy

Chủ trì, tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy tổ chức các cuộc kiểm tra, giám sát chuyên đề đối với đảng ủy trực thuộc theo quy định. Hướng dẫn Ủy ban Kiểm tra cấp dưới tăng cường kiểm tra, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ; chủ trì theo dõi, tham mưu xử lý kỷ luật các tổ chức đảng, đảng viên vi phạm (nếu có); định kỳ tổng hợp, báo cáo theo quy định.

5. Các cấp ủy trực thuộc Tỉnh ủy

Tổ chức quán triệt và xây dựng chương trình, kế hoạch triển khai phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, đơn vị, có tính khả thi cao; tổ chức thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra. Kịp thời phổ biến, nhân rộng những mô hình hay, cách làm sáng tạo, có hiệu quả trong nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ. Định kỳ hằng năm báo cáo kết quả thực hiện Đề án với Ban Thường vụ, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh; kịp thời phản ánh những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

Trên đây là Đề án Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng, đảng viên. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc, các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy kịp thời tổng hợp, báo cáo về Tỉnh ủy (qua Ban Tổ chức Tỉnh ủy) để xem xét, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.

Nguyễn

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng (để b/c),
- Ban Tổ chức Trung ương (để b/c),
- Văn phòng Trung ương Đảng (để b/c),
- Các đ/c Tỉnh ủy viên,
- Các cơ quan TMGV Tỉnh ủy,
- Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M TỈNH ỦY
BÍ THƯ**



Nguyễn Tiến Hải

DANH MỤC NHIỆM VỤ*(Kèm theo Đề án số 02-ĐA/TU, ngày 27/3/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)*

STT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Sản phẩm đầu ra
1	Kế hoạch Kết nạp đảng viên nhiệm kỳ 2025–2030	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	Các Đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy	Quý I/2026	Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy
2	Bồi dưỡng, cập nhật kiến thức cho Cấp ủy, Bí thư Chi bộ cơ sở	Trường Chính trị Tôn Đức Thắng	Ban Tổ chức Tỉnh ủy; các Đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy	Thường xuyên hàng năm	Hướng dẫn thực hiện chương trình bồi dưỡng; Tổ chức các lớp bồi dưỡng
3	Kế hoạch tổ chức kiểm điểm, đánh giá, xếp loại tổ chức đảng, đảng viên	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	Các Đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy	Thường xuyên hàng năm	Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy
4	Quy định khen thưởng tổ chức đảng, đảng viên	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy	Quý II/2026	Quy định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy
5	Phát động, hưởng ứng tham dự Giải búa liềm vàng	Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy	Báo và Phát thanh truyền hình An Giang; Ban Tổ chức Tỉnh ủy; các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy	Thường xuyên hàng năm	Bài dự thi gửi Ban Tổ chức Trung ương

STT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Sản phẩm đầu ra
6	- Tổ chức Hội thi Bí thư Chi bộ xuất sắc - Xét chọn Bí thư Chi bộ xuất sắc	Các Đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy	Cơ quan, đơn vị liên quan	Thường xuyên	- Hội thi - Đề cử Bí thư Chi bộ xuất sắc
7	Cụ thể hóa, triển khai các quy định của Trung ương liên quan tổ chức đảng, đảng viên	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	Các Đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy	Theo văn bản của trung ương	Công văn, Kế hoạch, Hướng dẫn
8	Hoàn thiện cơ sở dữ liệu về tổ chức đảng, đảng viên	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	Văn phòng Tỉnh ủy; các Đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy	Thường xuyên và theo chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương	Cập nhật 100% tổ chức đảng, đảng viên
9	Lãnh đạo, chỉ đạo tiếp tục thực hiện tốt phong trào xây dựng “Chi bộ 4 tốt”; “Đảng bộ 4 tốt”.	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	Các Đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy	Quý II/2026	Công văn
10	Kế hoạch sơ kết giữa kỳ và tổng kết Đề án	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	Văn phòng Tỉnh ủy	Sơ kết 2028; tổng kết 2030	Báo cáo sơ kết, tổng kết